

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 02/2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 3 năm 2021*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 24**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Đối tượng nộp lệ phí: Những người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch;

b) Cơ quan thu lệ phí: Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh;

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý lệ phí hộ tịch.

## **Điều 2. Các trường hợp được miễn thu lệ phí**

1. Đăng ký hộ tịch cho trẻ em, người cao tuổi (trừ trường hợp có yếu tố nước ngoài).

2. Người có công với cách mạng, người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật.

3. Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

## **Điều 3. Mức thu lệ phí hộ tịch**

| <b>STT</b>   | <b>Các trường hợp nộp lệ phí hộ tịch</b>  | <b>Mức thu<br/>(đồng/trường hợp)</b> |
|--|---|--------------------------------------|
| <b>1. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã</b>    |   |                                      |
| a)   | Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                       | 8.000                                |
| b)   | Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử   | 8.000                                |
| c)   | Đăng ký lại kết hôn   | 30.000                               |
| d)   | Đăng ký nhận cha, mẹ, con   | 15.000                               |
| đ)   | Bổ sung hộ tịch   | 15.000                               |
| e)   | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân   | 15.000                               |
| g)   | Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác, đăng ký hộ tịch khác  | 8.000                                |
| <b>2. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện</b> |   |                                      |
| a)   | Đăng ký khai sinh đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân             | 75.000                               |
| b)   | Đăng ký khai tử đúng hạn, không đúng hạn, đăng ký lại khai tử   | 75.000                               |
| c)   | Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn  | 1.500.000                            |
| d)   | Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ   | 75.000                               |
| đ)   | Đăng ký nhận cha, mẹ, con   | 1.500.000                            |
| e)   | Thay đổi, cải chính hộ tịch; bổ sung hộ tịch; xác định lại dân tộc  | 28.000                               |
| g)   | Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, đăng ký hộ tịch khác | 75.000                               |

| STT | Các trường hợp nộp lệ phí hộ tịch   | Mức thu<br>(đồng/trường hợp) |
|-----|---|------------------------------|
| 3.  | Đối với Ủy ban nhân dân huyện Lý Sơn, khi thực hiện các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã thì áp dụng mức thu lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều này. |                              |

Mức thu lệ phí nêu trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí mua Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch và các hồ sơ liên quan đến công tác quản lý hộ tịch.

#### **Điều 4. kê khai, nộp, quản lý lệ phí**

1. Người nộp lệ phí thực hiện nộp lệ phí theo từng lần phát sinh.
2. Cơ quan thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII Kỳ họp thứ 24 thông qua ngày 12 tháng 3 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 3 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

**CHỦ TỊCH**  
(Đã ký)  
**Bùi Thị Quỳnh Vân**